

BẢNG LƯƠNG THÁNG 05/2023 BAO GỒM PC TNG (MỨC LƯƠNG 1.490.000Đ)

BẢNG LƯƠNG THÁNG 05/2023 BAO GỒM PC TNGG (MỨC LƯƠNG 1.490.000Đ)																							
STT	MNV	MCV	HỌ VÀ TÊN	LOẠI NGẠCH	HỆ SỐ				THÀNH TIỀN				TRUY LÃNH				TỔNG	BMTT (15% TQL)	BMTN (1% TQL)	PCUB (04%)	TRUY LÃNH PCUB	TIỀN LÃNH	CHỈ CHỮ
					Lương	PC TNGG	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp đặc thù	Lương	PC TNGG	Phụ cấp đặc thù	Phụ cấp đặc thù	Lương	PC TNGG	Phụ cấp đặc thù	Phụ cấp đặc thù							

STT	HỌ TÊN	QUỐC TỊCH	MẠC	LOẠI	NGÀY CHỌN	HỆ SỐ			THÀNH TIỀN				TRUY LÃNH				TỔNG QUỸ LƯƠNG	BRSH (8% TQL)	BRVT (1,5% TQL)	BRTN (1% TQL)	PCUD (36%)	TRUY LÃNH PCUD	TIỀN LÃNH	GHI CHÚ	
						Lương	PC TNG	Pháp chế	Lương	PC TNG	B.Lưu	Pháp chế	PC TNG	Lương	PC TNG	PC TNG									PC TNG
27	BC1	GV	ĐOÀN THỊ BÌNH	AI	V.07.04.03	2	2,670		3.978.300	-	-	-	-	3.978.300	318.264	59.675	39.783	1.193.490	0	4.734.048					
28	BC1	GV	BÙI THỊ THẢO	AI	V.07.04.03	2	2,670		3.978.300	-	-	-	-	3.978.300	318.264	59.675	39.783	1.193.490	0	4.734.048					
29	BC1	GV	TRẦN THỊ BẢO NHƯ	A0	V.07.04.12	2	2,410		3.590.900	-	-	-	-	3.590.900	287.272	53.864	35.909	1.077.270	0	4.291.125					
30	BC0	GV	PHẠM ĐÌNH NGHĨA	AI	V.07.04.03	2	2,670		3.978.300	-	-	-	-	3.978.300	318.264	59.675	39.783	1.193.490	0	4.734.048					
31	BC1	GV	NGUYỄN THỊ HIỀN	AI	V.07.04.03	2	2,670	0,15	3.978.300	-	-	-	-	3.978.300	318.264	59.675	39.783	1.193.490	0	4.734.048					
32	BC1	GV	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	A0	V.07.04.12	2			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ngặt hạn chế từ tháng 02/2023				
33	BC1	GV	NGUYỄN HOÀNG LÂM THẢO	AI	V.07.04.03	2	2,670		3.978.300	-	-	-	-	3.978.300	318.264	59.675	39.783	1.193.490	0	4.734.048					
34		GV	NGO THỊ LÝ LY	A0	V.07.04.12	2	2,410		3.590.900	-	-	-	-	3.590.900	287.272	53.864	35.909	1.077.270	0	4.291.125					
35	BC0	GV	ĐO VỊT ĐỨC	AI	V.07.04.03	1	2,340		3.486.600	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487					
36	BC0	GV	TRẦN NGỌC THUAN	AI	V.07.04.03	1	2,340		3.486.600	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487					
37	BC1	GV	NGUYỄN THỊ THUY NHIỆNG	AI	V.07.04.03	1	2,340	0,15	3.486.600	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487					
38	BC1	GV	BÙI THỊ NGỌC TUYẾN	AI	V.07.04.03	1	2,340		3.486.600	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487					
39	BC1	GV	PHẠM THỊ ANH TUYẾT	A0	V.07.04.12				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ngặt hạn chế từ tháng 11/2022				
40	BC1	GV	LÊ THỊ LAN	AI	V.07.04.03	1	2,340		3.486.600	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.487					
41	BC1	NV	LAI THỊ LOAN	AI	01.003	5	3,660	0,20	5.453.400	-	-	-	-	5.453.400	460.112	86.271	57.514	1.875.503	0	7.328.896					
42	BC1	NV	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG	B	02.008	4	2,460		3.665.400	-	-	-	-	3.665.400	293.232	54.981	36.654	1.088.510	0	4.754.048					
43	BC1	GV	NGUYỄN THUY AN	AI	V.07.04.11	4	3,330	0,09	4.961.700	-	-	-	-	4.961.700	432.660	81.124	54.083	1.488.510	0	6.328.896					
44	BC1	GV	NGO YU HANA	AI	V.07.04.11				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ngặt hạn chế từ tháng 03/2023				
45	BC1	GV	PHẠM THỊ XUÂN BÌNH	AI	V.07.04.12	1	1,989		2.963.610	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516					
46	BC0	GV	LƯU VĂN NAM	A0	V.07.04.12	1	1,989		2.963.610	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516					
47	BC0	GV	ĐO QUANG TRUNG	A0	V.07.04.12	1	1,989		2.963.610	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516					
48	GV		BÙI ANH TRANG	A0	V.07.04.12	1	2,340		3.486.600	-	-	-	-	3.486.600	278.928	52.299	34.866	1.045.980	0	4.166.489					
49	BC0	GV	BÙI ANH ANH KIẾT	A0	V.07.04.12	2	2,2695		3.381.555	-	-	-	-	3.381.555	270.524	50.722	33.815	1.014.467	0	4.040.961					
50	BC1	GV	VÕ LÊ KIEU LAM	A0	V.07.04.12	1	1,989		2.963.610	-	-	-	-	2.963.610	237.089	44.453	29.635	889.083	0	3.541.516					
51	BC1	GV	LÊ THỊ VIỆT ANH	AI	V.07.04.11	9	4,590	0,45	7.430.200	-	-	-	-	7.430.200	615.543	132.913	101.942	2.427.210	0	11.551.094	Pháp chế				
52	BC1	NV	HỒ THỊ NHƯ MẠI		V.10.02.07	1	1,381		2.355.690	-	-	-	-	2.355.690	188.455	35.334	23.556	70.200	-	2.108.345					
53	HD	NV	NGUYỄN THUY TIỀN	0					9.346.800	-	-	-	-	9.346.800	748.800	146.400	93.600	46.800	-	6.377.500					
54	HD	NV	MAI HỒNG TIỀN	0					4.680.000	-	-	-	-	4.680.000	374.400	70.200	46.800	46.800	-	4.188.600					

STT	HỌ VÀ TÊN	MCCV	LOẠI	NGÁCH	BẮC	HỆ SỐ			TRÌNH TIỀN			TRUY LÃNH			TỔNG	QUỸ LƯƠNG	BHXH	BHVT	BHVN	PCUD	TRUY LÃNH	TIỀN LÃNH	CHỈ CHỮ	
						Lương	PC TNYK	Phụ cấp chức vụ	Lương	PC TNYK	Bonus	Phụ cấp chức vụ	PC TNYK	PC chức vụ										
	LƯƠNG					157,687	2,842	3,658	4,990	244,193,685	3,642,282	0	5,168,590		28,189,765	22,487,592	4,216,483	2,818,979	72,877,624	0	334,456,485			
	NGHÂN BƯ																							
						BC	IS	HD	BEH	CY	QNY	NAM												
						52	0	2	1	48	5	17												
						NỮ																	35	

Đã được kiểm tra và chấp thuận bởi Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam.

Đã kiểm tra và đúng theo thực tế. Người kiểm tra: *[Signature]*

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Cẩm Tú

